

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 141/2024/KDTM - PT

Ngày: 11/6/2024

V/v: *Tranh chấp thư bảo lãnh*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Tuyết Mai

***Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Lập
Ông Bùi Đức Bằng***

***Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Ông Nguyễn Trung Kiên-
Thư ký Tòa án***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội : Bà Đinh Thị Tuyết Mai
- Kiểm sát viên***

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 122/2024/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp: Thư bảo lãnh do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 124/2023/ KDTM- ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Đ , thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 301/ 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 345/2024/QĐ-PT ngày 04/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng đô thị H (*sau đây viết tắt là công ty H*)

Trụ sở: Tầng 4 số 27 T , phường T1, quận C , Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Nam P – Chuyên viên pháp chế, theo Giấy ủy quyền số 134 ngày 10/4 /2024. (có mặt)

2. Bị đơn: Ngân hàng TMCP H (*Sau đây viết tắt là M*)

Trụ sở: 54A N , phường L , quận Đ , Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: chị Hoàng Hồng T – Cán bộ Ngân hàng TMCP H .

Theo giấy ủy quyền số 4210/2023/GUQ-TGDD ngày 17/5/2023. (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Q (*sau đây viết tắt là Công ty Q*) (có mặt)

Trụ sở: Khu phố T, phường Tr, Thành phố T1, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo pháp luật của Công ty : Ông Phạm Quang Tr – Giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai của nguyên đơn là Công ty cổ phần xây dựng đô thị H trình bày:**

Ngày 17/12/2021, Công ty H và Công ty Q đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HDXD/HH-QT (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng 492”) với các thông tin cơ bản như sau:

Gói thầu: Cung cấp và thi công cây xanh cảnh quan khu công viên gia đình sum vầy, công viên thư giãn với nước và các tuyến phố khu 3.1, 3.2, 4.1, 4.2, 5.1, 5.2, 6.2, 6.3, 6.4, 7.2, 7.3 theo bản vẽ GL-21222

Dự án: Đầu tư xây dựng Nhà ở thấp tầng để bán, xây dựng công trình bãi đỗ xe tại khu đất đấu giá TQ5(2), thị trấn Tr, huyện G, Hà Nội

Phạm vi công việc: Công ty Q thực hiện các công việc thuộc Gói thầu tại Dự án nêu trên theo đúng bản vẽ thi công được phê duyệt.

Giá trị Hợp đồng tạm tính (đã bao gồm 10% VAT): 3.011.511.217 đồng (Ba tỷ, không trăm mười một triệu, năm trăm mười một nghìn, hai trăm mười bảy đồng)

Tạm ứng: Công ty H thực hiện tạm ứng cho Công ty Q số tiền bằng 30% giá trị hợp đồng trước thuế trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ tạm ứng hợp lệ của Công ty Q .

Bảo lãnh tạm ứng: Công ty Q cung cấp cho Công ty H bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng không hủy ngang, vô điều kiện và không cần chứng minh có tổng giá trị tương đương 30% tổng giá trị Hợp đồng trước thuế. Trên cơ sở yêu cầu của Công ty Q , Ngân hàng thương mại cổ phần H (gọi tắt là M) đã phát hành các Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước căn cứ theo Hợp đồng 492, bao gồm:

* Ngày 08/01/2022, M – Chi Nhánh Sở Giao dịch đã phát hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số: 11036010091749 đối với Hợp đồng 492, giá trị bảo lãnh là: 136.886.874 VND (Một trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi tư đồng).

* Ngày 10/03/2022, M – Chi Nhánh Sở Giao dịch đã phát hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước – đợt 2 số: 11036010095046 đối với Hợp đồng 492, giá trị bảo lãnh là: 684.434.368 VND (Sáu trăm tám mươi tư triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

Căn cứ theo các thư bảo lãnh này, M cam kết thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên thụ hưởng (Công ty H) ngay sau khi M – Chi Nhánh Sở Giao Dịch nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ Bên thụ hưởng bảo lãnh (Công ty H) trong đó nêu ra vi phạm của Bên đề nghị bảo lãnh.

Trong Quá trình thực hiện Hợp đồng 492 và các thư bảo lãnh, Công ty đã thực hiện đúng hợp đồng đã ký, trên cơ sở hồ sơ tạm ứng và các thư bảo lãnh do M phát hành, Công ty H đã tạm ứng cho Công ty Q tổng số tiền là: 821.321.242 VND (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng). Công ty H đã tiến hành bàn giao mặt bằng thi công cho bên nhận thầu, yêu cầu Công ty Q thực hiện, tuân thủ các quy định tại Hợp đồng 492 đã ký kết. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Q liên tục vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ cơ bản tại Hợp đồng 492 đã ký kết, bao gồm:

* Công ty Q không thực hiện đúng tiến độ theo cam kết tại Hợp đồng và trong quá trình làm việc với Công ty H .

* Công ty Q cung cấp các cây trồng tại dự án vi phạm nghiêm trọng về chất lượng, quy cách quy định tại Hợp đồng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mỹ quan tổng thể của Dự án đang triển khai. Công ty H đã kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu Công ty Q di dời các cây sai quy định, thay thế bằng các cây khác nhưng Công ty Q không thực hiện việc khắc phục vi phạm.

Do các sai phạm nghiêm trọng nêu trên của Công ty Q , ngày 18/05/2022, Công ty H đã có Văn bản số: 198/2022/HH1 V/v: Thông báo cắt giảm toàn bộ khối lượng Hợp đồng 492/2021/HĐXD/HH-QT gửi Công ty Q , đồng thời yêu cầu thu hồi tạm ứng là 821.321.242 VND (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng).

Ngay sau khi có văn bản thông báo gửi Công ty Q , trên cơ sở các thư bảo lãnh do M đã lập bảo lãnh tạm ứng cho Công ty Q , ngày 20/05/2022, Công ty H đã có Văn bản số: 208/2022/HHVN V/v: Thu hồi tiền bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước của Hợp đồng số 492/2021/HĐXD/HH-QT gửi Ngân hàng TMCP H – CN Sở Giao dịch, thông báo với M về việc cắt giảm khối lượng Hợp đồng 492/2021/HĐXD/HH-QT vì Công ty Q không thực hiện các nội dung theo hợp đồng đã ký kết. Theo đó, Công ty H yêu cầu M thực hiện các thư bảo lãnh, hoàn trả tiền tạm ứng là 821.321.242 VND (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng). Sau khi gửi hồ sơ đề nghị thanh toán bảo lãnh tạm ứng, Công ty H đã nhiều lần có văn bản gửi M, tiếp tục yêu cầu thanh thực hiện các thư bảo lãnh, tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại (tháng 08/2022), M vẫn không thực hiện hoàn trả lại số tiền nêu trên cho Công ty H , mặc cho tại các thư bảo lãnh, M đã cam kết thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên thụ hưởng (Công ty H) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ Bên thụ hưởng, trong đó nêu ra vi phạm của Bên đề nghị bảo lãnh (Công ty Q) mà không cần chứng minh vi phạm đó. Hành vi từ chối thực hiện nghĩa vụ đã cam kết tại các thư bảo lãnh của M đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty H .

Do vậy, Công ty H đề nghị Tòa án xem xét và tuyên buộc:

Ngân hàng TMCP H thực hiện thanh toán ngay cho Công ty H tổng số tiền là: 821.321.242 VND (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng) trên cơ sở thực hiện yêu cầu thanh toán của Công ty H đối với các thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước do Ngân hàng TMCP H phát hành đảm bảo cho việc tạm ứng Hợp đồng thi công xây dựng số: 492/2021/HDXD/HH-QT ngày 17/12/2021 được ký giữa Công ty CP xây dựng đô thị H và Công ty TNHH Q .

Ngân hàng TMCP H còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền chậm thanh toán nêu trên với mức lãi 10%/năm theo quy định tại Điều 468 BLDS cho đến khi hoàn thành việc thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng đô thị H .

2. Bị đơn Ngân hàng TMCP H trình bày:

Ngày 15/12/2021, Ngân hàng TMCP H (M) - Chi nhánh Sở giao dịch ký với Công ty TNHH Q (Khách hàng) Thỏa thuận cấp bảo lãnh hạn mức số 1312/2021/TTCBLHM với nội dung:

Ngân hàng M chấp thuận cấp bảo lãnh cho Khách hàng với hạn mức bảo lãnh tối đa là: 3.000.000.000 VND để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng. Thời hạn duy trì hạn mức bảo lãnh: 12 tháng kể từ ngày 13/12/2021. Trong thời hạn của hạn mức nêu trên, Khách hàng có thể đề nghị M phát hành nhiều Cam kết bảo lãnh nhưng tổng số bảo lãnh (số tiền mà M cam kết bảo lãnh) tại mọi thời điểm không vượt quá hạn mức bảo lãnh trên. M sẽ phát hành cam kết bảo lãnh cụ thể, từng lần cho Khách hàng dưới một trong các hình thức sau:

- + Thư bảo lãnh;
- + Hợp đồng bảo lãnh.

Quá trình phát sinh tranh chấp: Ngày 17/12/2021, Công ty cổ phần xây dựng đô thị H (Công ty H) và Công ty TNHH Q (Công ty Q) đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HDXD/HH-QT 2021 (gọi tắt Hợp đồng số 492), với gói thầu cung cấp và thi công cây xanh cảnh quan khu công viên gia đình sum vầy, công viên thư giãn với nước và các tuyến phố của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở thấp tầng để bán, xây dựng công trình bãi đỗ xe tại khu đất đấu giá TQ5(2), thị trấn Tr, huyện G, Hà Nội, giá trị của gói thầu: 3.011.511.217 đồng.

Để thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 492 , trên cơ sở yêu cầu của Công ty Q , M - Chi nhánh Sở giao dịch đã phát hành các Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước giữa Bên đề nghị bảo lãnh là Công ty Q và Bên thụ hưởng bảo lãnh là Công ty H , cụ thể như sau:

* Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 với số tiền bảo lãnh là: 136.886.874 đồng, hiệu lực bảo lãnh: đến hết ngày 18/8/2022.

* Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 với số tiền bảo lãnh là: 684.434.368 đồng hiệu lực bảo lãnh: đến hết ngày 16/6/2022.

Thực hiện Hợp đồng số 492, Công ty H đã tạm ứng cho Công ty Q tổng số tiền là: 821.321.242 đồng (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng). Công ty Q đã rút toàn bộ số tiền 821.321.242đ này để mua cây thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Hợp đồng số 492, các bên phát sinh tranh chấp do Công ty H cho rằng Công ty Q liên tục vi phạm các nghĩa vụ cơ bản tại Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, bao gồm: không thực hiện đúng tiến độ cam kết; cung cấp các cây trồng tại dự án vi phạm nghiêm trọng về chất lượng, quy cách quy định tại Hợp đồng, ảnh hưởng đến mỹ quan tổng thể của Dự án. Ngày 18/5/2022, Công ty H có Công văn số 198/2022/HH1 về việc “Thông báo cắt giảm toàn bộ khối lượng Hợp đồng 492/2021/HDXD/HH-QT” gửi Công ty Q, đồng thời yêu cầu thu hồi tạm ứng số tiền là 821.321.242 đồng.

Ngày 20/5/2022, Công ty H có Công văn số 208/2022/HHVN về việc “Thu hồi tiền bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước của Hợp đồng số 492/2021/HDXD/HH-QT” gửi Ngân hàng TMCP H - CN Sở giao dịch, thông báo với M về việc cắt giảm khối lượng Hợp đồng số 492/2021/HDXD/HH-QT với Công ty Q, đề nghị M thực hiện các thư bảo lãnh, hoàn trả tiền tạm ứng số tiền 821.321.242 đồng. Sau khi nhận được yêu cầu của Công ty H, M - Chi nhánh Sở giao dịch đã nhiều lần mời Công ty H và Công ty Q lên làm việc (cụ thể là các ngày 15/6/2022, 23/6/2022, 06/7/2022) để giải quyết yêu cầu giải tỏa tiền tạm ứng nhưng phía Công ty H không có người đại diện đến tham dự. Tại các buổi làm việc, đại diện Công ty Q là Ông Phạm Quang Tr - Giám đốc Công ty cho rằng: Công ty Q đã thực hiện đúng theo Hợp đồng, chưa vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng với Công ty H. Đồng thời, M - Chi nhánh Sở giao dịch chưa được nghe ý kiến phản hồi trực tiếp của Công ty H về vụ việc. Do đó, M chưa có đủ cơ sở và điều kiện để thanh toán số tiền tạm ứng nêu trên cho Công ty H.

Quan điểm của Ngân hàng M về việc tranh chấp:

* Thứ nhất: Tại Mục 9.1.16, Khoản 9.1, Điều 9 Hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HDXD/HH-QT ngày 17/12/2021 quy định về quyền và nghĩa vụ của Bên B (Công ty Q):

“Nếu Bên B không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt tương ứng với các phần việc vi phạm trên (có Biên bản ghi nhận đầy đủ và có xác nhận của đại diện Bên B về nội dung vi phạm) và Bên A (Công ty H) có quyền khấu trừ vào việc thanh toán Hợp đồng.”

Tuy nhiên, bên phía Công ty Q khẳng định đã thực hiện đúng theo Hợp đồng ký kết giữa các bên và chưa vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của Hợp đồng. Công ty H cũng chưa đưa ra được chứng cứ để chứng minh lỗi vi phạm của Công ty Q. Cụ thể tại quy định trên của Hợp đồng, trường hợp Công ty Q vi phạm nghĩa vụ thì phải có Biên bản ghi nhận và có xác nhận của Công ty Q về nội dung vi phạm, nhưng phía Công ty H chưa xuất trình được chứng cứ này. Việc Công ty H đơn phương thông báo cắt giảm khối

lượng Hợp đồng đã ký kết là vi phạm điều khoản của Hợp đồng, thể hiện sự áp đặt từ một phía, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty Q .

* Thứ hai: Tại Khoản 10.3, Điều 10 quy định về quyền và nghĩa vụ chung của Bên A (Công ty H):

“Bên A có thể chỉ định nhà thầu khác thực hiện một số việc trong phạm vi gói thầu khi xét thấy có lợi hơn cho Bên A về tiến độ và chất lượng trên cơ sở có sự thống nhất của hai Bên.”

Mặc dù quy định trên rất rõ ràng nhưng tại Công văn số 198/2022/HH1 ngày 18/5/2022 của Công ty H về việc “Thông báo cắt giảm toàn bộ khối lượng Hợp đồng 492/2021/HDXD/HH-QT” gửi Công ty Q có nội dung: Công ty H đã tìm được nhà thầu thay thế Công ty Q thực hiện hạng mục cây bóng mát ...Nhu vậy, việc Công ty H tự ý chỉ định nhà thầu khác thay thế để thực hiện gói thầu mà không có sự trao đổi, thống nhất và đồng ý của Công ty Q là vi phạm nghiêm trọng quy định của Hợp đồng. Việc làm này của Công ty H đã làm ảnh hưởng trực tiếp và gây tổn thất nặng nề về mặt kinh tế khi Công ty Q đã sử dụng toàn bộ số tiền tạm ứng, thậm chí còn phải bỏ thêm cả tiền của Công ty ngoài tiền tạm ứng để thực hiện công việc, đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công của công trình.

Qua trình bày trên, M nhận thấy: Công ty H đã thể hiện thái độ cố ý khi đưa ra những sai phạm không có căn cứ của Công ty Q nhằm mục đích đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Công ty Q và đòi lại toàn bộ khoản tiền ứng trước thực hiện Hợp đồng. Trong khi, những căn cứ mà M đưa ra lại thể hiện chính Công ty H mới là bên vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng đã ký kết giữa các bên như: không đưa ra được Biên bản có xác nhận của Công ty Q về việc Công ty Q vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng, tự ý chỉ định nhà thầu khác thực hiện Dự án khi chưa có sự thống nhất và đồng ý của Công ty Q , cố tình đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật. Điều kiện cơ bản và quan trọng nhất để yêu cầu M thực hiện bảo lãnh là phải có hành vi vi phạm của Công ty Q là Bên đề nghị bảo lãnh, tuy nhiên trên thực tế Công ty Q chưa có bất kỳ vi phạm nào theo Hợp đồng đã ký kết. Chính vì vậy, việc Công ty H khởi kiện yêu cầu M thực hiện thanh toán bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý.

* Thứ ba: Quá trình thực hiện yêu cầu thanh toán tiền bảo lãnh ứng trước của Công ty H : Ngày 20/5/2022, Công ty H giao cho đại diện M - Chi nhánh Sở giao dịch hồ sơ yêu cầu thanh toán tiền bảo lãnh ứng trước, cụ thể:

+ Công văn số 208/2022/HHVN về việc “Thu hồi tiền bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước của Hợp đồng số 492/2021/HDXD/HH-QT” (01 Bản gốc);

+ Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 (01 Bản gốc);

+ Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 (01 Bản gốc).

Tại Khoản 1, Điều 21 Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ngân hàng có nội dung: “Đề yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh phải gửi văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh kèm hồ sơ theo thỏa thuận tại cam kết bảo lãnh cho bên bảo lãnh. Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh được coi là hợp lệ khi bên bảo lãnh nhận được trong thời gian làm việc của bên bảo lãnh và trong thời hạn hiệu lực của cam kết bảo lãnh ...”. Tại Mục 6 của 02 Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 và số 11036010091749 ngày 08/01/2022 do M phát hành có nêu: “Yêu cầu thanh toán của Bên thụ hưởng bảo lãnh phải được gửi cho Ngân hàng chúng tôi trong thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh cùng với bản chính của thư bảo lãnh này”. Ngoài ra, cũng tại các trang của 02 Thư bảo lãnh trên có ghi rất rõ: “Mọi khiếu nại, yêu cầu M thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh gửi về Trụ sở chính của M theo địa chỉ: Ngân hàng TMCP H - Địa chỉ: Số 54A đường N, phường L, quận Đ, Hà Nội - Nơi nhận: Phòng Quản lý nợ và Cảnh báo sớm - Khối Quản lý rủi ro”. Các điều kiện, thủ tục, hồ sơ đề nghị thực hiện thanh toán bảo lãnh của M được thể hiện rất rõ ràng, đơn giản và minh bạch ngay trên các trang của Thư bảo lãnh. Ngân hàng không yêu cầu Bên thụ hưởng bảo lãnh là Công ty H phải nộp thêm bất cứ tài liệu nào khác, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho Bên thụ hưởng bảo lãnh. Tuy nhiên, Công ty H đã gửi hồ sơ yêu cầu thanh toán bảo lãnh không đúng địa chỉ của M được ghi trên Thư bảo lãnh.

Ngoài ra, ngay khi nhận được yêu cầu thực hiện bảo lãnh, M - Chi nhánh Sở giao dịch mặc dù không phải là đơn vị giải quyết yêu cầu bảo lãnh nhưng đã rất thiện chí nhiều lần mời đại diện Công ty H lên làm việc và hướng dẫn hồ sơ, thủ tục hợp lệ thanh toán bảo lãnh nhưng phía Công ty H đều từ chối không tham dự và cũng không có thiện chí hợp tác giải quyết.

Tại Khoản 4, Điều 23 Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh: “Cam kết bảo lãnh đã hết hiệu lực”.

Đến thời điểm này, dù đã hết thời hạn cam kết bảo lãnh của 02 Thư bảo lãnh (ngày 18/8/2022 và 16/6/2022) nhưng đơn vị có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thực hiện bảo lãnh của M, cũng như số điện thoại của tổng đài chịu trách nhiệm tư vấn của M ghi cụ thể trên Thư bảo lãnh chưa nhận được bất kỳ hồ sơ và cuộc gọi liên quan đến việc yêu cầu thanh toán bảo lãnh của Công ty H.

Như vậy, đối chiếu quy định của pháp luật và nội dung trong 02 Thư bảo lãnh trên đều thể hiện Công ty H đã gửi hồ sơ yêu cầu thanh toán bảo lãnh không đúng trình tự, thủ tục, đồng thời Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 và Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 đều đã hết hiệu lực thanh toán. Công ty H không có văn bản yêu cầu thực

hiện nghĩa vụ bảo lãnh và hồ sơ hợp lệ gửi đến M đúng địa chỉ, trong thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh nên M có quyền từ chối và không phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ pháp lý.

Vậy M kính đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết những vấn đề sau:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty H về việc buộc Ngân hàng TMCP H (M) thực hiện thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là: 821.321.242 đồng (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng) trên cơ sở thực hiện yêu cầu thanh toán của Công ty H đối với các thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước do M phát hành đảm bảo cho việc tạm ứng Hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HDXD/HH-QT ngày 17/12/2021 được ký giữa Công ty H và Công ty TNHH Q.

- Tuyên Ngân hàng TMCP H (M) không có nghĩa vụ thực hiện thanh toán bảo lãnh số tiền: 821.321.242 đồng (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng) theo các Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước do M phát hành đảm bảo cho việc tạm ứng Hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HDXD/HH-QT ngày 17/12/2021 được ký giữa Công ty H và Công ty TNHH Q.

- Tuyên 02 Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 và Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 đã hết hiệu lực thanh toán.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Q, trình bày:

Ngày 01/12/2021 Công ty TNHH Q có nhận được thông báo số 608/2021/HH. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu của công ty CP xây dựng đô thị Hồng Hà số 1 Việt Nam; Gói thầu cung cấp và thi công cây xanh cảnh quan khu công viên gia đình sum vầy, công viên thư giãn với nước và các tuyến phố khu 3.1, 3.2, 4.1, 4.2, 5.1, 5.2, 6.2, 6.3, 6.4, 7.2, 7.3 theo bản vẽ GL-21222; Giá trúng thầu 3.011.511.217đ (Đã bao gồm VAT). Ngày 17/12/2021 Công ty TNHH Q và Công ty CP xây dựng đô thị H ký kết hợp đồng số 492/2021/HDXD/HH-QT gói thầu như trên. Ngày 04/01/2022 Ban quản lý dự án của công ty H mời nhà thầu Q họp giao ban tại công trường. Ban quản lý dự án (gọi tắt ban QLDA) yêu cầu các công việc nhà thầu Q chuẩn bị và bàn giao bản vẽ thiết kế - tiến độ bàn giao mặt bằng; Tiến độ bàn giao mặt bằng chia làm 3 đợt:

Đợt 1: Bàn giao tuyến D5 và xung quanh BT07, BT06 ngày 20/03/2022

Đợt 2: Bàn giao BT05, BT04, LK19, LK16 ngày 25/04/2022

Đợt 3: Bàn giao mặt bằng còn lại ngày 20/07/2022

Ngày 15/02/2022 Ban QLDA mời nhà thầu Q sang họp tại công trường và thông báo là đã có mặt bằng của tuyến D5 và phía ranh giới (N7- phía phần đoạn 1). Ban QLDA yêu cầu nhà thầu Q triển khai một số công việc và lên kế hoạch kiểm tra cây tại các vườn ươm ngày 15/03/2022.

Ngày 04/3/2022 Ban QLDA mời Công ty Q sang công trường họp. Ban QLDA yêu cầu nhà thầu Q trồng trước cây vào những khu vực đã có mặt bằng. Nhưng nhà thầu Q không đồng ý vì chưa bàn giao đủ mặt bằng đợt 1. Nhưng ban QLDA lại nhờ nhà thầu Q trồng trước cho những khu vực đã có mặt bằng và cam kết không tính tiền độ và đường kính tán cây (mỹ quan của cây) nhưng vẫn nghiệm thu khối lượng cho nhà thầu (Nhờ và đề nghị bằng miệng, không có văn bản). Ngày 07/03/2022 nhà thầu hoàn thiện hồ sơ và nộp cho công ty H theo nội dung biên bản ngày 04/3/2022. Ngày 24/03/2022 Ba bên: Q + H + Công ty Trang Trại Đ (Thuộc tập đoàn EH) Có ký kết 1 biên bản thoả thuận. Ngày 25/03/2022 Công ty Q và Công ty H ký phụ lục hợp đồng 01.

Trong khoảng thời gian cuối tháng 3/2022 Ban QLDA và TVGS có cắt cử người đi cùng nhà thầu xem và đánh giá cây tại các vườn ươm của nhà thầu. Tuy nhiên khi về không thông báo kết quả cho nhà thầu biết như thế nào. Trong khoảng thời gian trên Ban QLDA có thông báo cho nhà thầu (Bằng miệng) về thay đổi thiết kế và một số nội dung cần điều chỉnh. Ngày 04/4/2022 Q và H ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 02 Điều chỉnh khối lượng và giá trị hợp đồng từ bản vẽ GL – 21222 sang bản vẽ GL – 2202, thay đổi giá trị hợp đồng từ 3.011.511.217đ về còn 2.894.364.822đ. Thay đổi về thời gian cây đâm ủ từ 1 năm về 06 tháng vì chủ đầu tư đã ghi sai. Trong khoảng thời gian trên ban QLDA mới gửi lại bản vẽ thay đổi cho nhà thầu và nhờ nhà thầu triển khai trồng cây trước cho một số vị trí đã có mặt bằng và cam kết như trên. Bởi vậy nhà thầu Q mới tiến hành công việc. Ngày 09/4/2022 Nhà thầu Q đưa 16 cây Long Nảo về công trường. Tuy nhiên Ban QLDA và tư vấn giám sát nghiệm thu có 4 cây và 12 cây còn lại không nghiệm thu với lý do đường kính tán (bóng tán cây) không đạt theo hợp đồng và không đẹp.

Vì Ban QLDA có nhờ nhà thầu đưa cây về công trường trồng trước thời gian và đã thoả thuận khi nào bàn giao mặt bằng đúng và đủ theo từng đợt thì mới xét đến phần bóng tán và mỹ quan. Cho nên nhà thầu mới mang cây về. Nhưng Ban QLDA không làm đúng lời nói của mình và còn yêu cầu nhà thầu chuyển 12 cây ra khỏi công trường.

Với lại về cách hiểu và cách đo bóng tán của cây giữa các bên có cách hiểu và cách đo khác nhau nên dẫn đến chủ đầu tư và tư vấn giám sát đo không đạt. Nhà thầu Q đã giải thích cho Ban QLDA và tư vấn giám sát về cách đo nhưng không được sự đồng ý. Thực chất cây của Công ty Q là đạt so với hợp đồng (vì khi đo bóng tán của cây phải dựng cây lên theo phương thẳng đứng và đo cái bóng của cây ở dưới mặt đất thì đây mới gọi là bóng tán) nhưng đằng này chủ đầu tư và tư vấn giám sát lại để cây nằm dưới đất và đo tay cành từ thân ra hai bên. Như vậy là không đúng. Dẫn đến kết luận sai, làm ảnh hưởng đến kế hoạch và tài chính của Công ty Q. Ngày 14/3/2022 Ban QLDA và tư vấn giám sát bàn giao mốc toạ độ (có biên bản kèm theo). Ban QLDA và tư vấn giám sát nghiệm thu vị trí trồng cây (có biên bản kèm theo). Ban QLDA và tư vấn giám sát nghiệm thu hố đào trồng cây (có biên bản kèm theo). Ngày 15/3/2022 Nhà thầu đề nghị nghiệm thu đất màu trồng cây. Ban QLDA và tư vấn giám sát đã nghiệm thu đất màu và giá thể trồng cây cho vào hố và đổ bên cạnh hố (có biên bản kèm theo). Sau đó nhà thầu

Q đã trồng và đóng cọc 4 cây long não tuy nhiên vài ngày sau không hiểu lý do gì ban QLDA yêu cầu nhà thầu Q chuyển đi 3 cây ra khỏi công trường (nhà thầu đã chuyển) Và từ đây bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn giữa 3 bên (Ban QLDA, tư vấn giám sát và nhà thầu). Sau một thời gian Ban QLDA lại yêu cầu nhà thầu Q chuyển nốt 01 cây còn lại ra khỏi công trường (nhà thầu đã chuyển). Bởi vậy, ngày 19/5/2022 nhà thầu Q và tư vấn giám sát phải lập 01 biên bản xác nhận hiện trường (có biên bản kèm theo).

Trong khoảng thời gian trên, bên công ty H có gửi công văn số 100/2022/cv-hh về nội dung thăm mỹ cây (cần đâm ủ 1 năm) có công văn kèm theo. Nhà thầu Q có gửi công văn phúc đáp lại chủ đầu tư (công ty H) và công ty H xác nhận việc đâm ủ cây 1 năm là sai theo thoả thuận mà là 6 tháng. Bởi vậy bên Q và H ký phụ lục hợp đồng số 02. Trong khoảng thời gian trên, nhà thầu đã làm việc rất nhiều lần với Ban QLDA và tư vấn giám sát cùng với điện thoại và gửi mail cho đại diện công ty. Nhà thầu yêu cầu chủ đầu tư tuân thủ theo hợp đồng, tuân thủ theo tiến độ bàn giao mặt bằng theo biên bản cuộc họp ngày 04/01/2022. Nhưng chủ đầu tư và Ban QLDA vẫn chậm trong việc bàn giao mặt bằng và tìm đủ mọi cách gây khó khăn cho nhà thầu. Đến thời điểm ngày 19/5/2022, chủ đầu tư vẫn chưa có đủ mặt bằng để bàn giao lần 01 cho nhà thầu Q. Nhưng sau đó, công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng và đưa đơn vị khác vào thi công chưa được sự đồng ý của Công ty Q làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch và tài chính của Công ty Q. Bởi vậy Công ty Q yêu cầu công ty H bồi thường thiệt hại cho Công ty Q.

Từ những sự việc trên ngày 03/5/2022 nhà thầu Q đã có công văn số 0305.22/QT-cv gửi công ty H (có công văn kèm theo) Sau đó công ty H gửi công văn 162/2022/cv-hh (có công văn kèm theo) Tiếp theo Công ty Q gửi công văn số 0905.22/QT-cv (có công văn kèm theo) Tiếp theo Công ty Q gửi công văn số 2005.22/QT-cv (có công văn kèm theo). Công ty Q đã liên hệ gọi điện, gửi mail sang công ty H và đến công trường làm việc. Tuy nhiên về phía công ty H không hợp tác và đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bởi vậy Công ty Q đề nghị công ty H bồi thường thiệt hại cho Công ty Q và yêu cầu công ty H đối trừ khoản tiền mà công ty H đang nợ Công ty Q nhưng không gửi đơn yêu cầu độc lập và tài liệu chứng cứ chứng minh để Tòa xem xét

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 124/2023/ KDTM – ST ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ đã quyết định như sau:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng đô thị Hồng Hà số 1 Việt Nam.

1. Buộc Ngân hàng TMCP H phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước của hai thư bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng số 492 về việc Công ty cổ phần xây dựng đô thị H đã tạm ứng cho Công ty TNHH Q tổng số tiền là: 821.321.242 đồng (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng) cho Công ty cổ phần xây dựng Hồng Hà số 1, cụ thể như sau:

* Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 với số tiền bảo lãnh là: 136.886.874 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu ngàn, tám trăm bảy mươi tư đồng), hiệu lực bảo lãnh: đến hết ngày 18/8/2022.

* Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 với số tiền bảo lãnh là: 684.434.368 đồng (Sáu trăm tám mươi tư triệu, bốn trăm ba mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi tám đồng), hiệu lực bảo lãnh: đến hết ngày 16/6/2022.

2. Buộc Ngân hàng TMCP H phải trả tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng đô thị H từ (ngày 01/6/2022 đến ngày 30/10/2023 cho các Thư bảo lãnh là 516 ngày) với lãi suất 10%/năm là 116.110.020 đồng.

Tiếp tục tính lãi suất kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền gốc (821.321.242 đồng) chưa thanh toán theo Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày tại cấp sơ thẩm và kháng định: Công ty H chưa đưa ra được chứng cứ để chứng minh lỗi vi phạm của Công ty Q, có thái độ cố ý khi đưa ra những sai phạm không có căn cứ của Công ty Q nhằm mục đích đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Công ty Q và đòi lại toàn bộ khoản tiền ứng trước thực hiện Hợp đồng 492. Quá trình thực hiện yêu cầu thanh toán tiền bảo lãnh ứng trước của Công ty H : Ngày 20/5/2022, Công ty H giao cho đại diện M - Chi nhánh Sở giao dịch hồ sơ yêu cầu thanh toán tiền bảo lãnh ứng trước, cụ thể:

+ Công văn số 208/2022/HHVN về việc “Thu hồi tiền bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước của Hợp đồng số 492/2021/HDXD/HH-QT” (01 Bản gốc);

+ Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 (01 Bản gốc);

+ Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 (01 Bản gốc).

Tuy nhiên, Công ty H đã gửi hồ sơ yêu cầu thanh toán bảo lãnh không đúng địa chỉ của M được ghi trên Thư bảo lãnh. Nên đối chiếu quy định của pháp luật và nội dung trong 02 Thư bảo lãnh trên đều thể hiện Công ty H đã gửi hồ sơ yêu cầu thanh toán bảo lãnh không đúng trình tự, thủ tục, đồng thời Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 và Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 đều đã hết hiệu lực thanh toán. Công ty H không có văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và hồ sơ hợp lệ gửi đến M đúng địa chỉ, trong thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh nên M có quyền từ chối và không phải thực

hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ pháp lý. M kính đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết những vấn đề sau:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Xây dựng Hồng Hà số 1 Việt Nam về việc buộc Ngân hàng TMCP H (M) thực hiện thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là: 821.321.242 đồng (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng) trên cơ sở thực hiện yêu cầu thanh toán của Công ty H đối với các thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước do M phát hành đảm bảo cho việc tạm ứng Hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HDXD/HH-QT ngày 17/12/2021 được ký giữa Công ty cổ phần Xây dựng Hồng Hà số 1 Việt Nam và Công ty TNHH Q .

- Tuyên Ngân hàng TMCP H (M) không có nghĩa vụ thực hiện thanh toán bảo lãnh số tiền: 821.321.242 đồng (Tám trăm hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng) theo các Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước do M phát hành đảm bảo cho việc tạm ứng Hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HDXD/HH-QT ngày 17/12/2021 được ký giữa Công ty cổ phần Xây dựng Hồng Hà số 1 Việt Nam và Công ty TNHH Q .

- Tuyên 02 Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 và Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 đã hết hiệu lực thanh toán.

Nguyên đơn trình bày : Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do M phát hành 02 Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 và số 11036010095046 ngày 10/3/2022 cam kết thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên thụ hưởng (Công ty H) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ Bên thụ hưởng, trong đó nêu ra vi phạm của Bên đề nghị bảo lãnh (Công ty Q) mà không cần chứng minh vi phạm đó. Công ty H đã giao cho đại diện M - Chi nhánh Sở giao dịch hồ sơ yêu cầu thanh toán tiền bảo lãnh ứng trước ngày 20/5/2022 trong hạn hiệu lực, đúng trình tự, thủ tục của 2 thư bảo lãnh. Hành vi từ chối thực hiện nghĩa vụ đã cam kết tại các thư bảo lãnh của M đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty H nên đề nghị Ngân hàng TMCP H thực hiện thanh toán ngay cho Công ty H tổng số tiền là: 821.321.242 VND trên cơ sở thực hiện yêu cầu thanh toán của Công ty H đối với các thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước do Ngân hàng TMCP H phát hành đảm bảo cho việc tạm ứng Hợp đồng thi công xây dựng số: 492/2021/HDXD/HH-QT ngày 17/12/2021 được ký giữa Công ty CP xây dựng đô thị H và Công ty TNHH Q . Công ty H đề nghị Ngân hàng TMCP H còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền chậm thanh toán nêu trên với mức lãi 10%/năm theo quy định tại Điều 468 BLDS cho đến khi hoàn thành việc thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng đô thị H .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày : Về nội dung hợp đồng và cam kết tại các thư bảo lãnh đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi ký hợp đồng số 492 với công ty H , Công ty Q đã tiến hành thực hiện hợp đồng theo đúng các điều khoản đã

cam kết. Tuy nhiên giữa 2 công ty có sự hiểu nhầm nên đã xảy ra tranh chấp. Công ty H không bàn giao mặt bằng nên Công ty Q không thực hiện được là do lỗi của công ty H. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Công ty Q cũng không nộp đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh kèm theo yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu đối trừ khoản tiền mà công ty H đang nợ Công ty Q. Nay Công ty Q đề nghị tòa bác yêu cầu khởi kiện của công ty H ngoài ra không đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn Luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của HĐXX phúc thẩm: HĐXX đã thực hiện đúng qui định và yêu cầu chung của phiên tòa phúc thẩm. Thành phần HĐXX phúc thẩm; phạm vi xét xử phúc thẩm đúng qui định tại Điều 64 và Điều 293 BLTTDS. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định tại Điều 51 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng theo qui định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của M trong thời hạn Luật định và hợp lệ. Ngân hàng xác nhận về việc đã phát hành 02 Thư bảo lãnh trên cho Công ty Q. Tại cấp sơ thẩm Ngân hàng xác nhận về việc nhận được công văn đề nghị thực hiện bảo lãnh của Công ty H, Ngân hàng cho rằng tại mục nhỏ phân dưới các Thư bảo lãnh đều thể hiện hồ sơ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh gửi đến hội sở giải quyết, Công ty gửi đến chi nhánh là không đúng. Tuy nhiên, theo quy định tại các Thư bảo lãnh Chi nhánh sở giao dịch của Ngân hàng cam kết: *Ngân hàng cam kết trả cho Chủ đầu tư toàn bộ hoặc bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn giá trị bảo lãnh ngay sau khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản đầu tiên của Chủ đầu tư trong thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh.* Do đó, xác định Công ty H gửi công văn đến Chi nhánh sở giao dịch yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ. Ngày 20/5/2022, Công ty H gửi công văn đến Chi nhánh sở giao dịch của Ngân hàng M đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là còn trong thời hạn bảo lãnh. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng M cho rằng Công ty Q không vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng chưa có đủ cơ sở để thanh toán số tiền tạm ứng. Tại cấp phúc thẩm ngân hàng đưa ra quan điểm về yêu cầu bảo lãnh của Công ty H hết thời hạn bảo lãnh. Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đã không đưa ra quan điểm đồng nhất về nội dung khởi kiện của Công ty H điều này thể hiện ngân hàng cố tình trốn tránh nghĩa vụ bảo lãnh đối với công ty H. Do đó, nội dung kháng cáo này của Ngân hàng không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu của Công ty H đề nghị Ngân hàng M thanh toán lãi chậm trả cho khoản bảo lãnh thanh toán tiền tạm ứng thanh toán: Bản án sơ thẩm tính tổng giá trị của 02 thư bảo lãnh với lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm / năm = 116.110.020 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Q cho rằng lỗi không thực hiện được hợp đồng là do Công ty H nhưng Công ty Q không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cản trở và không hợp tác của Công ty H. Thực tế, Công ty Q đã nhận đủ và rút hết số tiền trên và không trồng bất cứ một cây nào tại Dự án. Do đó, Ngân hàng phải chịu trách nhiệm bảo lãnh theo các Thư bảo lãnh với Công ty H.

Từ những phân tích đánh giá trên nhận thấy: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo Ngân hàng M. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016 về án phí của UBTVQH xử:

- Bác kháng cáo của Ngân hàng M.
- Giữ nguyên bản án KDTMST sơ thẩm số 124/2023/KDTM- ST ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ, TP Hà Nội.
- Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng M phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp thư bảo lãnh (phát sinh từ hợp đồng xây dựng)nên là tranh chấp về kinh doanh thương mại, bị đơn có trụ sở tại quận Đ nên Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý vụ án sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn Luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty Q không nộp đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh kèm theo yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu đối trừ khoản tiền mà công ty H đang nợ Công ty Q. Công ty Q có đơn kháng cáo nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, xác định kháng cáo của Công ty Q không đảm bảo đúng quy định tại Điều 273 BLTTDS và là kháng cáo không hợp lệ nên không xét.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận nội dung hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HĐXD/HH-QT ngày 17/12/2021 và nội dung thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 và số 11036010095046 ngày 10/3/2022 do bị đơn phát hành. Theo hợp đồng số 492 tại điều 6 quy định về “ bảo lãnh” mục 6.2 điều 6 thể hiện ‘ trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng bên Công ty TNHH Q phải nộp cho bên Công ty cổ phần xây dựng đô thị H bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước không hủy ngang, vô điều kiện và không cần chứng minh có giá trị bằng 05% giá trị hợp đồng trước thuế được cấp bởi ngân hàng hoạt động hợp

pháp tại Việt nam và có giá trị hiệu lực trong vòng 230 ngày kể từ ngày phát hành.....” “ Trước thời điểm thi công theo kế hoạch 1 tháng, bên Công ty TNHH Q phải nộp cho bên Công ty cổ phần xây dựng đô thị H bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước không hủy ngang, vô điều kiện và không cần chứng minh có giá trị bằng 25% giá trị hợp đồng trước thuế được cấp bởi ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt nam và có giá trị hiệu lực trong vòng 100 ngày kể từ ngày phát hành.....”

Đề thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 492/2021/HDXD/HH-QT ngày 17/12/2021 (Hợp đồng số 492), trên cơ sở yêu cầu của Công ty Q , M - Chi nhánh Sở giao dịch đã phát hành 2 Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước giữa Bên đề nghị bảo lãnh là Công ty Q và Bên thụ hưởng bảo lãnh là Công ty H , cụ thể :

* Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 11036010091749 ngày 08/01/2022 với số tiền bảo lãnh là: 136.886.874 đồng, hiệu lực bảo lãnh: đến hết ngày 18/8/2022.

* Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước - Đợt 2 số 11036010095046 ngày 10/3/2022 với số tiền bảo lãnh là: 684.434.368 đồng, hiệu lực bảo lãnh: đến hết ngày 16/6/2022.

Các nội dung và chứng cứ 2 bên đã thừa nhận nên căn cứ vào quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là điều đã được các bên đương sự thừa nhận không phải chứng minh.

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về ý kiến của bị đơn, cho rằng nguyên đơn đã gửi hồ sơ yêu cầu thanh toán bảo lãnh không đúng trình tự, thủ tục, đồng thời Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước đều đã hết hiệu lực thanh toán. Công ty H không có văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và hồ sơ hợp lệ gửi đến M đúng địa chỉ Trụ sở chính của M theo địa chỉ: Ngân hàng TMCP H - Địa chỉ: Số 54A đường N, phường L, quận Đ, Hà Nội - Nơi nhận: Phòng Quản lý nợ và Cảnh báo sớm - Khối Quản lý rủi ro”, trong thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh nên M có quyền từ chối và không phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh . *Hội đồng xét xử nhận thấy* trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều thừa nhận ngày 20/5/2022 Ngân hàng TMCP H -Chi nhánh sở giao dịch đã nhận văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ngân hàng kèm hồ sơ theo thỏa thuận tại cam kết bảo lãnh cho bị đơn . Việc bị đơn gửi văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ngân hàng kèm hồ sơ theo thỏa thuận tại cam kết bảo lãnh đến Ngân hàng TMCP H -Chi nhánh sở giao dịch là đúng với quy định tại mục 3 nội dung thư bảo lãnh “...3.**Ngân hàng chúng tôi** cam kết thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang cho bên thụ hưởng bảo lãnh (Công ty H) số tiền nêu tại mục 2 (quy định về giá trị bảo lãnh) bằng cách chuyển khoản ngay sau khi **Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh sở giao dịch** nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ bên thụ hưởng bảo lãnh, **trong đó nêu ra vi phạm của bên đề nghị bảo lãnh mà không cần chứng minh vi phạm đó** ”, đúng trong thời gian làm việc của bị đơn và đúng hạn hiệu lực của cam kết bảo lãnh , phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 21 thông tư thông tư 07/2015 /TT- NHNN ngày 25/6/2015 của Ngân hàng Nhà Nước.

Việc bị đơn nại ra cho rằng nguyên đơn không gửi đúng Trụ sở chính của M theo địa chỉ: Ngân hàng TMCP H - Địa chỉ: Số 54A đường N, phường L, quận Đ, Hà Nội - Nơi nhận: Phòng Quản lý nợ và Cảnh báo sớm - Khối Quản lý rủi ro” . Quy định này không được quy định tại điều mục chính trong nội dung thư bảo lãnh .

- Về ý kiến của Ngân hàng TMCP H cho rằng việc không thực hiện được hợp đồng là do lỗi bên Chủ đầu tư là Công ty H . Ngân hàng M không có nghĩa vụ thanh toán phần bảo lãnh thực hiện hợp đồng . *Hội đồng xét xử thấy* tại các thư bảo lãnh, M đã cam kết thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên thụ hưởng (Công ty H) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ Bên thụ hưởng, trong đó nêu ra vi phạm của Bên đề nghị bảo lãnh (Công ty Q) mà không cần chứng minh vi phạm đó. Như vậy công ty H đã nêu ra các vi phạm của Công ty Q mà không cần phải chứng minh là phù hợp quy định tại mục 3 của 2 thư bảo lãnh.

Bị đơn kháng cáo nội dung này nhưng tại cấp phúc thẩm không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Buộc bị đơn là đơn vị thực hiện bảo lãnh phải chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền tạm ứng nêu trên là có căn cứ.

- Về yêu cầu thanh toán tiền lãi do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ : HĐXX thấy do buộc Ngân hàng M phải thực hiện bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng đối với số tiền 821.321.242 đồng. Nên buộc Ngân hàng M phải có nghĩa vụ phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán của tổng giá trị của 02 thư bảo lãnh nhân số ngày chậm thanh toán . Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn chịu lãi suất 10% năm . Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm, yêu cầu này của bị đơn không vượt quá mức lãi suất quá hạn do bị đơn chậm trả được quy định tại luật thương mại năm 2005 và nghị định 37/2015/ NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng nên được chấp nhận. Thời điểm tính lãi chậm thanh toán từ ngay sau ngày đến hạn thanh toán ngày 01/6/2022 đến ngày 30/10/2023 cho Thư bảo lãnh là 516 ngày với lãi suất là 10%/năm (365 ngày) = 116.110.020 đồng theo điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và điểm a khoản 2 điều 21 thông tư 07/ TT- NHNN ngày 25/6/2015 là có căn cứ cần được giữ nguyên. Tuy nhiên bản án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm , ghi rõ “ tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ... ” theo đúng hướng dẫn tại nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 301 luật thương mại.

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN ngày 26/06/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Ban hành quy chế bảo lãnh Ngân hàng; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước; Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 26/6/2015 của ngân hàng nhà nước quy định về bảo lãnh ngân hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H
2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 124/2023/KDTM- ST ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ.
3. Về án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP H phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 19236 ngày 25/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Tuyết Mai